

Số: 21/2022/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển**  
**giao thông vận tải đường thủy nội địa**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa tại Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giao thông vận tải đường thủy nội địa trên phạm vi toàn quốc.

**Điều 3. Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa**

**1. Đầu tư phát triển giao thông đường thủy nội địa**

a) Được tiếp cận nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa nhằm kết nối thuận lợi, hiệu quả đến các phương thức vận tải khác, đặc biệt là với hệ thống cảng biển;

b) Ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để cải tạo, nâng cấp luồng đường thủy nội địa trên các tuyến vận tải chính theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương rà soát và quy hoạch các bến khách ngang sông tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, chưa có điều kiện phát triển, đầu tư các loại hình giao thông khác vào quy hoạch của địa phương, để đảm bảo việc đầu tư mới các bến khách này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Đầu tư công năm 2020 trong trường hợp sử dụng ngân sách địa phương để đầu tư.

## 2. Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

Bố trí vốn sự nghiệp kinh tế cho công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng huy động các nguồn lực, đảm bảo đáp ứng yêu cầu năm sau cao hơn năm trước, với mục tiêu đến năm 2030 đáp ứng đủ nhu cầu vốn theo kế hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

## 3. Ứng dụng công nghệ thông tin

a) Ưu tiên bố trí kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động lĩnh vực đường thủy nội địa;

b) Sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước để quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động lĩnh vực đường thủy nội địa sau đầu tư, gồm: cơ sở dữ liệu, phần mềm, phần cứng.

## **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

### 1. Bộ Giao thông vận tải

a) Chủ trì tổ chức thực hiện và đánh giá việc thực hiện Quyết định này với chu kỳ hàng năm và tổng kết sau 5 năm;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc bố trí vốn ngân sách để thực hiện cơ chế, chính sách phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa quy định tại Quyết định này;

c) Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện cơ chế, chính sách phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa quy định tại Quyết định này;

d) Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải đường thủy nội địa theo kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### 2. Bộ Tài chính

Chủ trì, bố trí kinh phí sự nghiệp cho công tác bảo trì đường thủy nội địa thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương hàng năm theo quy định tại Quyết định này.

### 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính thực hiện cơ chế, chính sách phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa quy định tại Quyết định này;

b) Chủ trì, bố trí vốn đầu tư phát triển để đầu tư kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

### 4. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn việc bố trí quỹ đất, mặt nước cho các dự án đầu tư xây dựng cảng thủy nội địa trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

### 5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Nghiên cứu hướng dẫn các địa phương có quy định cụ thể các điều kiện để đầu tư, xây dựng các kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa ở ngoài để được hoạt động hiệu quả trong mùa mưa lũ.

### 6. Bộ Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong công tác thông tin truyền thông để khuyến khích đầu tư kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, đóng mới phương tiện thủy nội địa, trang bị thiết bị xếp, dỡ hàng hóa, góp phần thúc đẩy vận tải đường thủy nội địa phát triển.

### 7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường bố trí quỹ đất, mặt nước cho các dự án đầu tư xây dựng cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa, cảng thủy nội địa trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương;

b) Chủ trì, bố trí ngân sách địa phương để phát triển giao thông đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý;

c) Ưu tiên bố trí đất xây dựng cảng thủy nội địa khai thác hàng công-ten-nơ ở phía Bắc và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 12 năm 2022.

2. Bãi bỏ Quyết định số 47/2015/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa.

## Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b) **110**

